

Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

○ NGUYỄN NGỌC HÀ

Phó Tổng Giám đốc Trung tâm

Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia

Lưu vực sông Cửu Long có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; đánh giá tài nguyên nước là yếu tố quan trọng đầu tiên cần được xem xét, do đó, việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng Quy hoạch là rất cần thiết và cấp bách.

Lưu vực sông Cửu Long đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng

Hiện nay, LVSCS đã và đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng, nhất là các tác động của BĐKH như nước biển dâng (NBD), hạn hán, gia tăng xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển, sụt lún đất, các tác động do khai thác, sử dụng TNN ở thượng lưu Mê Công,... Những vấn đề lớn mà TNN LVSCS đang phải đối mặt như:

Một là, hạn chế trong điều kiện tự nhiên và tác động của BĐKH đến TNN. Tuy nằm ở hạ lưu châu thổ sông Mê Công, thừa hưởng nhiều thuận lợi từ vị trí địa lý, nguồn nước phong phú, đất đai bằng phẳng, màu mỡ và được phù sa bồi đắp hàng năm, thủy sản dồi dào với nhiều giống loài, bờ biển và vùng biển rộng lớn với nhiều tài nguyên,... song, LVSCS cũng luôn đối mặt với không ít khó khăn và hạn chế trong điều kiện tự nhiên, với những tác động không nhỏ và khôn lường từ các hoạt động ở thượng lưu, và hơn cả là với các mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và BVMT ngay chính trong nội tại của lưu vực.

Biến đổi khí hậu trong 30 năm qua, đặc biệt 10 năm gần đây có xu thế ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, gây nhiều tổn thất trên tất cả các mặt về KT-XH và QP-AN. Các biểu hiện rõ rệt nhất

do tác động của BĐKH lên LVSCS là NBD (khoảng 12-15 cm trong 30 năm qua), xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng, hạn hán và cạn kiệt dòng chảy, xói lở bờ sông, bờ biển, mưa lớn gây ngập úng, phân hóa lũ ngày càng cao (số năm lũ nhỏ tăng, số năm lũ lớn giảm) và diễn biến lũ ngày càng phức tạp.

Hai là, ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước phía thượng nguồn sông. Nằm ở cuối hạ nguồn LVS Mê Công, LVSCS chịu ảnh hưởng mạnh mẽ vào quá trình khai thác và sử dụng nước của tất cả các quốc gia thượng lưu, đặc biệt là tác động của hệ thống thủy điện cả trên dòng chính và dòng nhánh sông Mê Công.

Ba là, tác động tổng hợp của BĐKH và phát triển thượng lưu. BĐKH xảy ra trên toàn LVS Mê Công, kể cả thượng lưu và hạ lưu, trong đó có LVSCS. Tác động của BĐKH trên toàn lưu vực có thể dẫn đến thiếu hụt lượng mưa năm trên cả hay từng phần lưu vực khiến tổng lượng dòng chảy năm cũng giảm tương ứng. Đồng thời, với việc gia tăng sử dụng nước và phát triển thủy điện, khiến dòng chảy lũ càng giảm nhỏ (lũ 2015), dòng chảy kiệt càng xuống thấp (kiệt 2016, 2019). Trong khi đó, tại LVSCS, NBD và hạn hán càng làm cho tình trạng thiếu nước và xâm nhập mặn xảy ra nghiêm trọng.

Bốn là, khai thác, sử dụng nguồn nước chưa hợp lý ngay tại LVSCS: LVSCS là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất nước, tổng nhu cầu nước ngọt trong năm dao động từ 700-2.000 m³/s, đặc biệt vào các tháng mùa khô/kiệt, chiếm đến 15-50% dòng chảy kiệt vào LVSCS, khiến bài toán “cân bằng cung-cầu” trở thành vấn đề quan trọng hơn trong quản lý nước.

Năm là, diễn biến thiên tai và tác động của BĐKH trong thời gian gần đây dẫn đến những vấn đề cấp thiết trong quản lý nước. Hệ thống nước ở LVSCS cơ bản là hệ thống mở. Mỗi tác động từ thượng lưu, từ biển hay từ bất kỳ khu vực nào cũng đều có thể tác động đến toàn châu thổ. Do vậy, khi xuất hiện thiên tai cục bộ, như lũ lớn, hạn nặng, mặn cao,... đều có tác động ít nhiều đến toàn vùng.

Sáu là, những năm gần đây, do tác động của BĐKH và NBD khiến thủy triều ngày càng cao, với triều trung bình tăng khoảng 12 cm trong 25 năm qua, trong khi đỉnh triều cường còn tăng nhiều hơn, từ 20-25 cm, là nguyên nhân gây ngập lụt nghiêm trọng các đô thị ven biển và ảnh hưởng triều, như: Cần Thơ, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.

Bảy là, đất ngập nước LVSCS có hệ sinh thái khá phong phú, trong đó, đồng lúa nước là hệ sinh thái lớn nhất và chiếm ưu thế so

với các hệ sinh thái khác, với 1,9 triệu ha. Tuy nhiên, do áp lực phát triển KT-XH và tác động của BĐKH khiến vùng đất ngập nước LVSC ngày càng suy giảm về số lượng và chất lượng.

Tám là, trước các tác động và thách thức của BĐKH, phát triển thượng lưu ngày 17/11/2017 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH. Ngày 18/6/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 78/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/6/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm QP-AN vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu trên lưu vực sông

Quy hoạch Quy hoạch tổng hợp LVSC thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hướng đến mục tiêu bảo đảm an ninh TNN, thích ứng với BĐKH trên LVS, điều hòa, phân bổ nguồn nước một cách phù hợp, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ, phát triển bền vững TNN, nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho dân sinh, phát triển KT-XH, bảo đảm QP-AN; bảo vệ TNN, phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra; phục hồi các nguồn nước, cảnh quan môi trường các dòng sông bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng.

Trong đó, mục tiêu đến năm 2030 là điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm hài hòa lợi ích cho các địa phương, các đối tượng khai thác, sử dụng nước, đáp ứng nhu cầu nước cho sinh hoạt và các ngành sản xuất công nghiệp; bảo vệ TNN, bảo vệ chức năng nguồn nước, nguồn sinh thủy, sự lưu thông dòng chảy, các hồ, ao có

chức năng điều hòa, có giá trị đa dạng sinh học; bảo đảm lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra, phòng, chống sạt, lún do khai thác NĐĐ; phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng, ưu tiên đối với các khu vực trọng điểm phát triển KT-XH; quản lý, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu giám sát thực hiện quy hoạch, một số chỉ số an ninh TNN của LVS phù hợp.

Tầm nhìn đến năm 2050 là duy trì, phát triển TNN, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm an ninh TNN, thích ứng với BĐKH và phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương liên quan đến TNN mà Việt Nam đã tham gia; tăng cường bảo vệ TNN, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển KT-XH và giảm thiểu tối đa tác hại do nước gây ra. Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ TNN được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên cơ sở quản trị thông minh; bổ sung và nâng cao một số chỉ tiêu của quy hoạch, quản lý tổng hợp TNN phù hợp với giai đoạn phát triển của quốc gia, ngang bằng với các quốc gia phát triển trong khu vực; bảo đảm an ninh TNN, nâng cao giá trị của nước phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới.

Trên cơ sở đó, phạm vi của Quy hoạch thuộc 13 tỉnh, thành phố, gồm: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang, với diện tích 39.945 km² (không tính diện tích các đảo). Đối tượng lập quy hoạch là nguồn nước mặt, NĐĐ trên LVSC.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, Quy hoạch sẽ triển khai thực hiện các nhóm nội dung chính: Đánh giá số lượng, chất

lượng của nguồn nước và dự báo xu thế biến động dòng chảy, mực nước của các tầng chứa nước; đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng TNN; dự báo nhu cầu sử dụng nước; phân vùng chức năng của nguồn nước; xác định tỷ lệ phân bổ TNN cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước; xác định thứ tự ưu tiên và tỷ lệ phân bổ trường hợp hạn hán, thiếu nước; xác định yêu cầu bảo vệ TNN đối với các hoạt động khai thác, sử dụng nước và các hệ sinh thái thủy sinh; xác định các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt; đánh giá diễn biến chất lượng nước, phân vùng chất lượng nước; xác định khu vực bờ sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở; xác định khu vực bị sụt, lún đất hoặc có nguy cơ bị sụt, lún đất do thăm dò, khai thác NĐĐ; tình hình, diễn biến, xác định nguyên nhân sụt, lún đất; xác định hệ thống giám sát TNN, khai thác, sử dụng nước, chất lượng nước và giám sát xả nước thải vào nguồn nước; xác định các giải pháp thực hiện phân bổ nguồn nước, bảo vệ TNN, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; xác định kinh phí, kế hoạch và tiến độ thực hiện.

Sản phẩm quy hoạch bao gồm: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; bản đồ tổng hợp hiện trạng TNN tỷ lệ 1:100.000; bản đồ quy hoạch tổng hợp LVS tỷ lệ 1:100.000; cơ sở dữ liệu về quy hoạch và bộ mô hình số lập quy hoạch tổng hợp LVS; dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch tổng hợp LVS; danh mục công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển TNN.■